

Số: **1464/2022/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1811/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con”, giữa:

Người yêu cầu: Ông **Từ Đức C**, sinh năm 1969.

Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Thuỳ L**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số nhà 169 (số cũ 17A/79), đường T, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 19/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà L và ông C không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hoà cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc, về sau xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã ngồi lại giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện ông bà không còn tình cảm vợ chồng với nhau, đời sống chung không hạnh phúc nên ông bà thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Từ Hoàng Mai Phương, sinh ngày 29/7/2006. Khi ly hôn giao cháu Phương cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C cấp dưỡng nuôi con 08 (tám) triệu/tháng kể từ ngày có quyết định cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L và ông Từ Đức C phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003245 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L và ông Từ Đức C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Từ Hoàng Mai Phương, sinh ngày 29/7/2006. Khi ly hôn giao cháu Phương cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C cấp dưỡng nuôi con 08 (tám) triệu/tháng kể từ ngày có quyết định cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L và ông Từ Đức C phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003245 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Cẩm

